

PHỤ LỤC 03
BIỂU PHÍ BẢO HIỂM SỨC KHỎE KẾT HỢP CON NGƯỜI
(CTTV chủ động triển khai)

A. BIỂU PHÍ 1 NĂM

I. BIỂU PHÍ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

Nhóm tuổi	Tỷ lệ phí bảo hiểm	
	1. Điều kiện bảo hiểm A	2. Điều kiện bảo hiểm B
Từ 0-5	0,150%	0,290%
Từ 6 -40	0,200%	0,280%
Từ 41-50	0,300%	0,350%
Từ 51-60	0,800%	0,350%
Từ 61-65	1,500%	0,420%
Từ 66-70	4,500%	0,534%
Từ 71-80	7,500%	0,800%
Từ 81 -85	13,500%	1,180%
Trên 85	20,000%	1,940%

3. Điều kiện bảo hiểm C

3.1. Chương trình CI: Hạn mức/ngày = 0,3% STBH

3.1.1. Chương trình cơ bản

a. Lựa chọn 1: chi trả 0,3% STBH /ngày tại tất cả các bệnh viện

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,78%	0,83%	0,90%
Từ 6 -40	0,60%	0,64%	0,69%
Từ 41-50	0,99%	1,05%	1,14%
Từ 51-60	1,24%	1,30%	1,43%
Từ 61-65	1,87%	1,97%	2,15%
Từ 66-70	3,08%	3,23%	3,54%
Từ 71-80	4,10%	4,30%	4,72%
Từ 81 -85	5,19%	5,45%	5,97%
Trên 85	6,76%	7,10%	7,78%

b. Lựa chọn 2:

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,3% STBH/ngày;**

- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **60%** hạn mức/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày năm viện/năm	Tối đa 90 ngày năm viện/năm	Tối đa 180 ngày năm viện/năm
Từ 0-5	0,69%	0,73%	0,79%
Từ 6 -40	0,53%	0,56%	0,61%
Từ 41-50	0,87%	0,92%	1,00%
Từ 51-60	1,09%	1,15%	1,25%
Từ 61-65	1,65%	1,73%	1,90%
Từ 66-70	2,71%	2,85%	3,12%
Từ 71-80	3,61%	3,79%	4,15%
Từ 81 -85	4,57%	4,80%	5,26%
Trên 85	5,95%	6,24%	6,84%

c. Lựa chọn 3:

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,3%** STBH/ngày;
- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **50%** hạn mức/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày năm viện/năm	Tối đa 90 ngày năm viện/năm	Tối đa 180 ngày năm viện/năm
Từ 0-5	0,66%	0,70%	0,76%
Từ 6 -40	0,51%	0,54%	0,59%
Từ 41-50	0,85%	0,89%	0,98%
Từ 51-60	1,06%	1,10%	1,22%
Từ 61-65	1,59%	1,67%	1,83%
Từ 66-70	2,61%	2,75%	3,00%
Từ 71-80	3,49%	3,66%	4,01%
Từ 81 -85	4,41%	4,63%	5,07%
Trên 85	5,74%	6,03%	6,60%

d. Lựa chọn 4:

- 10 ngày đầu: 0,3% STBH/ngày;
- 10 ngày tiếp theo: 0,18% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,12% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày năm viện/năm	Tối đa 90 ngày năm viện/năm	Tối đa 180 ngày năm viện/năm
-----------	--------------------------------	--------------------------------	------------------------------------

Từ 0-5	0,68%	0,69%	0,73%
Từ 6 -40	0,53%	0,54%	0,56%
Từ 41-50	0,86%	0,87%	0,92%
Từ 51-60	1,07%	1,09%	1,15%
Từ 61-65	1,63%	1,65%	1,73%
Từ 66-70	2,68%	2,70%	2,85%
Từ 71-80	3,58%	3,61%	3,79%
Từ 81 -85	4,52%	4,56%	4,80%
Trên 85	5,89%	5,94%	6,25%

e. Lựa chọn 5:

- 10 ngày đầu: 0,3% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,18% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,72%	0,73%	0,76%
Từ 6 -40	0,56%	0,57%	0,59%
Từ 41-50	0,91%	0,92%	0,97%
Từ 51-60	1,14%	1,15%	1,20%
Từ 61-65	1,71%	1,73%	1,82%
Từ 66-70	2,82%	2,85%	2,99%
Từ 71-80	3,76%	3,79%	3,99%
Từ 81 -85	4,76%	4,80%	5,05%
Trên 85	6,20%	6,25%	6,58%

3.1.2. Chương trình đặc biệt

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,71%	0,74%	0,85%
Từ 6 -40	0,55%	0,57%	0,66%
Từ 41-50	0,89%	0,94%	1,07%
Từ 51-60	1,11%	1,16%	1,34%
Từ 61-65	1,68%	1,77%	2,02%
Từ 66-70	2,77%	2,91%	3,32%
Từ 71-80	3,69%	3,88%	4,43%
Từ 81 -85	4,67%	4,90%	5,61%
Trên 85	6,08%	6,39%	7,30%

3.2. Chương trình CII: Hạn mức/ngày = 0,4% STBH

3.2.1. Chương trình cơ bản

a. **Lựa chọn 1:** chi trả 0,4% STBH/ngày tại tất cả các bệnh viện

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,858%	0,913%	0,990%
Từ 6 -40	0,660%	0,704%	0,759%
Từ 41-50	1,089%	1,155%	1,254%
Từ 51-60	1,364%	1,430%	1,573%
Từ 61-65	2,057%	2,167%	2,365%
Từ 66-70	3,388%	3,553%	3,894%
Từ 71-80	4,510%	4,730%	5,192%
Từ 81 -85	5,709%	5,995%	6,567%
Trên 85	7,436%	7,810%	8,558%

b. **Lựa chọn 2:**

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,4% STBH/ngày**;
- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **60%** hạn mức/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,807%	0,854%	0,924%
Từ 6 -40	0,620%	0,655%	0,714%
Từ 41-50	1,018%	1,076%	1,170%
Từ 51-60	1,275%	1,346%	1,463%
Từ 61-65	1,931%	2,024%	2,223%
Từ 66-70	3,171%	3,335%	3,650%
Từ 71-80	4,224%	4,434%	4,856%
Từ 81 -85	5,347%	5,616%	6,154%
Trên 85	6,962%	7,301%	8,003%

c. **Lựa chọn 3:**

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,4% STBH/ngày**;
- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **50%** hạn mức/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,772%	0,819%	0,889%
Từ 6 -40	0,597%	0,632%	0,690%
Từ 41-50	0,995%	1,041%	1,147%
Từ 51-60	1,240%	1,287%	1,427%
Từ 61-65	1,860%	1,954%	2,141%
Từ 66-70	3,054%	3,218%	3,510%
Từ 71-80	4,083%	4,282%	4,692%
Từ 81 -85	5,160%	5,417%	5,932%
Trên 85	6,716%	7,055%	7,722%

d. Lựa chọn 4:

- 10 ngày đầu: 0,4% STBH/ngày;
- 10 ngày tiếp theo: 0,24% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,16% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,796%	0,807%	0,854%
Từ 6 -40	0,620%	0,632%	0,655%
Từ 41-50	1,006%	1,018%	1,076%
Từ 51-60	1,252%	1,275%	1,346%
Từ 61-65	1,907%	1,931%	2,024%
Từ 66-70	3,136%	3,159%	3,335%
Từ 71-80	4,189%	4,224%	4,434%
Từ 81 -85	5,288%	5,335%	5,616%
Trên 85	6,891%	6,950%	7,313%

e. Lựa chọn 5:

- 10 ngày đầu: 0,4% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,24% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,842%	0,854%	0,889%
Từ 6 -40	0,655%	0,667%	0,690%
Từ 41-50	1,065%	1,076%	1,135%

Từ 51-60	1,334%	1,346%	1,404%
Từ 61-65	2,001%	2,024%	2,129%
Từ 66-70	3,299%	3,335%	3,498%
Từ 71-80	4,399%	4,434%	4,668%
Từ 81 -85	5,569%	5,616%	5,909%
Trên 85	7,254%	7,313%	7,699%

3.2.2. Chương trình đặc biệt

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,781%	0,814%	0,935%
Từ 6 -40	0,605%	0,627%	0,726%
Từ 41-50	0,979%	1,034%	1,177%
Từ 51-60	1,221%	1,276%	1,474%
Từ 61-65	1,848%	1,947%	2,222%
Từ 66-70	3,047%	3,201%	3,652%
Từ 71-80	4,059%	4,268%	4,873%
Từ 81 -85	5,137%	5,390%	6,171%
Trên 85	6,688%	7,029%	8,030%

3.3. Chương trình CIII: Hạn mức/ngày = 0,5% STBH

3.3.1. Chương trình cơ bản

a. Lựa chọn 1: chi trả 0,5% STBH /ngày

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,936%	0,996%	1,080%
Từ 6 -40	0,720%	0,768%	0,828%
Từ 41-50	1,188%	1,260%	1,368%
Từ 51-60	1,488%	1,560%	1,716%
Từ 61-65	2,244%	2,364%	2,580%
Từ 66-70	3,696%	3,876%	4,248%
Từ 71-80	4,920%	5,160%	5,664%
Từ 81 -85	6,228%	6,540%	7,164%
Trên 85	8,112%	8,520%	9,336%

b. Lựa chọn 2:

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,5% STBH/ngày**;
- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **60%** hạn mức ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,925%	0,978%	1,059%
Từ 6 -40	0,710%	0,750%	0,817%
Từ 41-50	1,166%	1,233%	1,340%
Từ 51-60	1,461%	1,541%	1,675%
Từ 61-65	2,211%	2,318%	2,546%
Từ 66-70	3,631%	3,819%	4,181%
Từ 71-80	4,837%	5,079%	5,561%
Từ 81 -85	6,124%	6,432%	7,048%
Trên 85	7,973%	8,362%	9,166%

c. Lựa chọn 3:

- Ngoài Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện thuộc tuyến trung ương, tỉnh/TP Trực thuộc trung ương và tương đương: **0,5%** STBH/ngày;
- Đông y/Y học cổ truyền, và/hoặc Bệnh viện tuyến huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương/bệnh viện ngoài công lập: tối đa **50%** hạn mức/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,884%	0,938%	1,018%
Từ 6 -40	0,683%	0,724%	0,791%
Từ 41-50	1,139%	1,193%	1,313%
Từ 51-60	1,420%	1,474%	1,635%
Từ 61-65	2,131%	2,238%	2,452%
Từ 66-70	3,497%	3,685%	4,020%
Từ 71-80	4,677%	4,904%	5,373%
Từ 81 -85	5,909%	6,204%	6,794%
Trên 85	7,692%	8,080%	8,844%

d. Lựa chọn 4:

- 10 ngày đầu: 0,5% STBH/ngày;
- 10 ngày tiếp theo: 0,3% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,2% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,911%	0,925%	0,978%
Từ 6 -40	0,710%	0,724%	0,750%
Từ 41-50	1,152%	1,166%	1,233%
Từ 51-60	1,434%	1,461%	1,541%

Từ 61-65	2,184%	2,211%	2,318%
Từ 66-70	3,591%	3,618%	3,819%
Từ 71-80	4,797%	4,837%	5,079%
Từ 81 -85	6,057%	6,110%	6,432%
Trên 85	7,893%	7,960%	8,375%

e. Lựa chọn 5:

- 10 ngày đầu: 0,5% STBH/ngày;
- Những ngày còn lại: 0,3% STBH/ngày.

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,965%	0,978%	1,018%
Từ 6 -40	0,750%	0,764%	0,791%
Từ 41-50	1,219%	1,233%	1,300%
Từ 51-60	1,528%	1,541%	1,608%
Từ 61-65	2,291%	2,318%	2,439%
Từ 66-70	3,779%	3,819%	4,007%
Từ 71-80	5,038%	5,079%	5,347%
Từ 81 -85	6,378%	6,432%	6,767%
Trên 85	8,308%	8,375%	8,817%

3.3.2. Chương trình đặc biệt

Nhóm tuổi	Tối đa 60 ngày nằm viện/năm	Tối đa 90 ngày nằm viện/năm	Tối đa 180 ngày nằm viện/năm
Từ 0-5	0,852%	0,888%	1,020%
Từ 6 -40	0,660%	0,684%	0,792%
Từ 41-50	1,068%	1,128%	1,284%
Từ 51-60	1,332%	1,392%	1,608%
Từ 61-65	2,016%	2,124%	2,424%
Từ 66-70	3,324%	3,492%	3,984%
Từ 71-80	4,428%	4,656%	5,316%
Từ 81 -85	5,604%	5,880%	6,732%
Trên 85	7,296%	7,668%	8,760%

II. BIỂU PHÍ BẢO HIỂM NHÓM KHÁCH HÀNG THAM GIA BẢO HIỂM/HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÓM

- Với Người được bảo hiểm không quá 60 tuổi, và những người từ trên 60 tuổi đến 62 tuổi nhưng chưa nghỉ hưu trong hợp đồng bảo hiểm nhóm: Áp dụng theo biểu phí cá nhân tương ứng nhóm tuổi từ 6-40 nêu trên;
- Với Người được bảo hiểm trên 60 tuổi: Áp dụng theo biểu phí cá nhân tương ứng nhóm tuổi của Người được bảo hiểm có tuổi ở độ tuổi bình quân của những Người được bảo hiểm trên 60 tuổi trong nhóm.

B. BIỂU PHÍ NGẮN HẠN

- | | |
|--|--------------------------------|
| • Thời hạn bảo hiểm đến 1 tháng | = tối đa 15% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 1 đến 2 tháng | = 25% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 2 đến 3 tháng | = 35% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 3 đến 4 tháng | = 45% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 4 đến 6 tháng | = 60% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 6 đến 8 tháng | = 75% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 8 đến 10 tháng | = 90% phí bảo hiểm năm; |
| • Thời hạn bảo hiểm từ trên 10 tháng trở lên | = phí bảo hiểm năm. |



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẢO HIỂM TRỰC TUYẾN IBAOHIEM

HOTLINE: [0966.490.888](tel:0966.490.888)

ZALO: [Bảo Hiểm Trực Tuyến IBAOHIEM](#)